

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-7-2022

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phước

Ông Hà Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trung K, sinh năm: 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Số M ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Bà Trần Hoàng Bảo N, sinh năm: 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Số H đường N, phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 4 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Trung K trình bày:*

Ông Nguyễn Trung K và bà Trần Hoàng Bảo N tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2019, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, ông K và bà N không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất vui vẻ và hạnh phúc. Đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, thiếu sự tôn trọng nhau, thường xuyên tranh cãi dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc, ông K và bà N đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Từ tháng 02/2022 đến nay ông K và bà N đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nay ông K yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu tuyên bố mối quan hệ giữa ông Nguyễn Trung K và bà Trần Hoàng Bảo N không phải là vợ chồng. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Hoàng Bảo N trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của ông K về thời gian chung sống, quá trình chung sống ông K và bà N không có con chung, không có tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung. Thời gian đầu, ông K và bà N chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do ông K thường xuyên đi sớm, về trễ, nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc bà N. Dẫn đến vợ chồng cãi nhau, mâu thuẫn đỉnh điểm là xô xát lẫn nhau. Bà N đã nhiều lần trao đổi với ông K để vợ chồng khắc phục những mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay bà N xác định không còn tình cảm với ông K, nên đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông K. Yêu cầu tòa án không công nhận mối quan hệ sống chung giữa bà và ông K là vợ chồng. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông K: Xét thấy, ông Nguyễn Trung K và bà Trần Hoàng Bảo N đều thừa nhận ông, bà tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2019, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất vui vẻ và hạnh phúc. Đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, thiếu sự tôn trọng nhau, ông K đi sớm về trễ, thường xuyên tranh cãi dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc, ông K và bà N đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Từ tháng 02/2022 đến nay ông K và bà N đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tại Tòa bà N xác định không còn tình cảm với ông K. Bà N cũng nhận thức được đời sống chung giữa bà N và ông K không thể tiếp tục nên bà N và ông K đều thừa nhận quan hệ sống chung giữa ông, bà không phải là vợ chồng. Tại khoản 2, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 luật này...”. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông K về không công nhận ông Nguyễn Trung K và bà Trần Hoàng Bảo N là vợ chồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà N và ông K đều thừa nhận quá trình chung sống ông, bà không có con chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Trung K và bà Trần Hoàng Bảo N tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Trung K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, Khoản 8 Điều 28; Điểm a, Khoản 1 Điều 35; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 3, Điều 18 và Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Trung K và bà Trần Hoàng Bảo N.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, về nợ chung: Ông Nguyễn Trung K và bà Trần Hoàng Bảo N tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

4.1. Ông Nguyễn Trung K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000510 ngày 18/5/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Ông K đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4.2. Bà Trần Hoàng Bảo N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTPST;
- Chi cục THADSTPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Bích Tuyền